

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *38* /BC-KTNS

Quảng Trị, ngày *19* tháng 5 năm 2026

## **BÁO CÁO**

### **Thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ 2 - HĐND tỉnh khoá IX, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định và phân công của Thường trực HĐND tỉnh; sau khi nghiên cứu 09 tờ trình và dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 2 - HĐND tỉnh; kết hợp tổ chức làm việc với các cơ quan chuyên môn có liên quan; ý kiến Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp thứ 2 ngày 14/5/2026. Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định một số nội dung như sau:

#### **I. Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2030 (Tờ trình số 2193//TTr-UBND ngày 08/4/2026 của UBND tỉnh)**

##### **1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền**

Việc UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2030 phù hợp với quy định của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, Nghị quyết số 36/NQ-CP ngày 06/3/2026 của Chính phủ tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02 năm 2026; Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 27/02/2026 của HĐND tỉnh Quảng Trị thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại điểm a<sup>1</sup>, khoản 1, điều 29 và khoản 1 điều 28<sup>2</sup> Luật Nhà ở số 27/2023/QH15.

##### **2. Nội dung và kiến nghị**

Việc điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2030 nhằm cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 27/02/2026 của HĐND tỉnh Quảng Trị thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm

<sup>1</sup> Điều 29. Xây dựng, phê duyệt chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh

1. Việc xây dựng và phê duyệt chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh được thực hiện như sau:  
a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xây dựng chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua. Sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt và triển khai thực hiện chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh;

<sup>2</sup> Điều 28. Điều chỉnh chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh

1. Việc điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh được thực hiện khi có thay đổi một trong các nội dung quy định tại các điểm c, d, đ hoặc h khoản 1 Điều 27 của Luật này do điều chỉnh quy hoạch tỉnh hoặc do phê duyệt quy hoạch tỉnh trong giai đoạn mới hoặc do thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh.

nhìn đến năm 2050; quá trình thực hiện bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và kế thừa Chương trình phát triển nhà ở 02 tỉnh cũ sau sáp nhập. Các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nhà ở trong kỳ chương trình được xác định trên cơ sở nhu cầu thực tế của người dân và khả năng huy động nguồn lực xã hội, địa phương, nhằm bảo đảm tính khả thi, hiệu quả triển khai và định hướng rõ công tác phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh. Qua nghiên cứu hồ sơ, kết hợp tổ chức làm việc với Sở Xây dựng (cơ quan được UBND tỉnh giao chủ trì soạn thảo) ngày 06/5/2026, ý kiến Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp thứ 02 ngày 14/5/2026. Đến nay, UBND tỉnh đã kịp thời hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết trình kỳ họp đảm bảo đúng quy định, sát thực tiễn địa phương.

Về nội dung cụ thể: Theo đánh giá của UBND tỉnh về kết quả thực hiện nghị quyết Chương trình phát triển nhà ở do HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ), tỉnh Quảng Bình (cũ) về: Diện tích nhà ở bình quân đầu người; diện tích nhà ở bình quân tối thiểu; chất lượng nhà ở; tổng diện tích sàn nhà ở; tổng diện tích sàn nhà ở tăng thêm; cơ cấu phát triển theo loại hình nhà ở (do hộ gia đình, cá nhân tự đầu tư xây dựng) đều đạt và vượt chỉ tiêu, mục tiêu đã đề ra; cơ bản phù hợp với nhu cầu thực tiễn, định hướng phát triển đô thị, nông thôn của địa phương; thể hiện tính khả thi, hiệu quả bước đầu của công tác dự báo nhu cầu, xác định mục tiêu và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình. Tuy nhiên, trong cơ cấu các loại hình nhà ở phát triển theo dự án, đặc biệt là nhà ở thương mại và nhà ở xã hội đạt tỷ lệ thấp so với mục tiêu được phê duyệt, nhất là một số dự án tại khu vực Nam Quảng Trị; điều này cho thấy việc đánh giá nhu cầu thực của các đối tượng có nhu cầu về nhà ở, dự báo khả năng thu hút đầu tư, cân đối nguồn lực, quỹ đất thực tế và nhu cầu thị trường trong quá trình xây dựng Chương trình chưa thật sự sát với điều kiện thực tế. Đồng thời, công tác tổ chức thực hiện theo định hướng phát triển đô thị, nông thôn của địa phương vẫn còn những hạn chế nhất định.

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện đến hết năm 2025, nội dung tại dự thảo nghị quyết điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2030 do UBND tỉnh trình. Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua theo đề nghị của UBND tỉnh; đồng thời đề nghị HĐND tỉnh xem xét, cân nhắc thêm về chỉ tiêu diện tích sàn tăng thêm sau điều chỉnh, nhất là chỉ tiêu diện tích sàn tăng thêm về nhà ở thương mại tăng gấp hơn 2 lần so với trước điều chỉnh là chưa thực sự phù hợp với thực tế triển khai so với giai đoạn 2021-2025 và nhu cầu thực về nhà ở thương mại trên địa bàn tỉnh; bổ sung thêm một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả triển khai Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Trị trong thời gian còn lại của giai đoạn 2021-2030 như sau:

- Tiếp tục rà soát, các dự án Khu đô thị, khu dân cư nông thôn, dự án nhà ở thương mại trên địa bàn chính để điều chỉnh, bổ sung, cơ cấu lại phù hợp với không gian phát triển tỉnh mới sau sáp nhập; chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2030 và quy hoạch tỉnh sau điều chỉnh; nhất là đối với các dự án chậm tiến độ chưa triển khai nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đất đai, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu nhà ở thực tế trên địa bàn tỉnh; nâng cao năng lực thu hút đầu tư, khả năng cân đối nguồn lực và hiệu quả sử

dụng quỹ đất của địa phương. Kiên quyết thu hồi hoặc điều chỉnh quy hoạch đối với các dự án "treo", thiếu khả thi để giải phóng nguồn lực đất đai cho các nhà đầu tư có năng lực thực sự.

- Tập trung ưu tiên phát triển nhà ở xã hội cho các đối tượng là người thu nhập thấp, công nhân, đối tượng chính sách tại các khu vực có nhu cầu cao như trung tâm hành chính, khu công nghiệp, khu kinh tế và đô thị đang phát triển.

- Nâng cao hiệu quả quản lý quy hoạch và phát triển đô thị, nông thôn; kiểm soát chặt chẽ việc phân lô bán nền, phát triển khu dân cư tự phát nhằm bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và mỹ quan đô thị, xây dựng nông thôn mới.

## **II. Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 2238/TTr-UBND ngày 11/5/2026 của UBND tỉnh)**

### **1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền**

Phù hợp với các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15; Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP; Thông tư 28/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC. Đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại khoản 1<sup>3</sup>, Điều 9 Thông tư 28/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC.

### **2. Nội dung và kiến nghị**

Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với 18 Điều, bao gồm: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; nguồn kinh phí và 15 điều quy định nội dung chính theo đề nghị của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết mới nhằm thống nhất về nội dung, mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn toàn tỉnh Quảng Trị (mới) phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh sau khi hợp nhất, sáp nhập tỉnh và thay thế Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ), Nghị quyết số 81/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình (cũ). Dự thảo quy định đã lấy ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan liên quan; giải quyết những hạn chế, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các nghị quyết; tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích, động viên, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, xây dựng nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nguồn kinh phí thực hiện nghị quyết giai đoạn 2026 - 2030, dự kiến bố trí khoảng 41,6 tỷ đồng<sup>4</sup> (bình quân hàng năm tăng 730 tr.đồng/năm so với giai đoạn 2021-2025) và nguồn kinh phí lồng ghép các chương trình, kế hoạch, đề án có

<sup>3</sup>. UBND cấp tỉnh xây dựng mức chi cụ thể trình HĐND cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối NSDP.

<sup>4</sup>. Tại Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 11/3/2026 của UBND tỉnh Phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030

liên quan và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; riêng năm 2026 ngân sách tỉnh đã bố trí 6.500 triệu đồng.

Qua rà soát, đối chiếu với các quy định hiện hành và tình hình thực tế của địa phương; Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thông qua nghị quyết theo đề nghị của UBND tỉnh; đồng thời đề nghị UBND tỉnh quan tâm một số nội dung sau:

- Sau khi HĐND tỉnh ban hành nghị quyết, UBND tỉnh chỉ đạo tập trung nguồn lực, ưu tiên kinh phí khuyến công được giao hàng năm để lựa chọn hỗ trợ điển hình các mô hình ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, dây chuyền công nghệ mới; hỗ trợ xây dựng các mô hình có tính lan tỏa về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để số hóa dữ liệu, tự động hóa quy trình sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ đầu tư xử lý môi trường cơ sở công nghiệp nông thôn trong khu dân cư nhằm tạo sự chuyển biến về hiệu quả trong mô hình hỗ trợ khuyến công địa phương.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh còn nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn nằm xen kẽ trong các khu dân cư có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sinh hoạt và đời sống của người dân xung quanh. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn và các địa phương rà soát, đề xuất cơ chế chính sách phù hợp để đưa các cơ sở sản xuất này vào các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Hướng dẫn nội dung chuyển tiếp áp dụng đối với các đề án/nhiệm vụ khuyến công đã được phê duyệt trên địa bàn tỉnh trước thời điểm HĐND tỉnh ban hành nghị quyết tại kỳ họp này khi đang áp dụng theo cơ chế tại Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) và Nghị quyết số 81/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình để tránh vướng mắc trong tổ chức thực hiện, đặc biệt là công tác thanh, quyết toán các nội dung đã thực hiện theo 02 Nghị quyết trước đây.

**III. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2025 sang năm 2026 (bổ sung) (Tờ trình số 2298TTr-UBND ngày 14/5/2026 của UBND tỉnh)**

### **1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền**

Việc đề nghị HĐND tỉnh kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2025 sang năm 2026 phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 72, Luật Đầu tư công số 58 năm 2024, được sửa đổi bổ sung tại mục b, khoản 33, Điều 7, Luật số 90/2025/QH15<sup>5</sup> và thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh.

### **2. Nội dung và kiến nghị**

Đề nghị kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân của 01 dự án với vốn 503.861.000 đồng từ năm 2025 sang năm 2026 (đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026) đối với Dự án Trồng, bảo vệ, phát triển rừng và cơ sở hạ tầng phục vụ bảo tồn và phát triển bền vững các Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông và Bắc Hướng

<sup>5</sup> Quy định: "Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách trung ương, Chủ tịch UBND các cấp quyết định đối với vốn ngân sách địa phương do cấp mình quản lý cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau".

dụng quỹ đất của địa phương. Kiên quyết thu hồi hoặc điều chỉnh quy hoạch đối với các dự án "treo", thiếu khả thi để giải phóng nguồn lực đất đai cho các nhà đầu tư có năng lực thực sự.

- Tập trung ưu tiên phát triển nhà ở xã hội cho các đối tượng là người thu nhập thấp, công nhân, đối tượng chính sách tại các khu vực có nhu cầu cao như trung tâm hành chính, khu công nghiệp, khu kinh tế và đô thị đang phát triển.

- Nâng cao hiệu quả quản lý quy hoạch và phát triển đô thị, nông thôn; kiểm soát chặt chẽ việc phân lô bán nền, phát triển khu dân cư tự phát nhằm bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và mỹ quan đô thị, xây dựng nông thôn mới.

## **II. Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 2238/TTr-UBND ngày 11/5/2026 của UBND tỉnh)**

### **1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền**

Phù hợp với các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15; Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP; Thông tư 28/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC. Đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại khoản 1<sup>3</sup>, Điều 9 Thông tư 28/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC.

### **2. Nội dung và kiến nghị**

Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với 18 Điều, bao gồm: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; nguồn kinh phí và 15 điều quy định nội dung chính theo đề nghị của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết mới nhằm thống nhất về nội dung, mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn toàn tỉnh Quảng Trị (mới) phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh sau khi hợp nhất, sáp nhập tỉnh và thay thế Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ), Nghị quyết số 81/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình (cũ). Dự thảo quy định đã lấy ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan liên quan; giải quyết những hạn chế, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các nghị quyết; tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích, động viên, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, xây dựng nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nguồn kinh phí thực hiện nghị quyết giai đoạn 2026 - 2030, dự kiến bố trí khoảng 41,6 tỷ đồng<sup>4</sup> (bình quân hàng năm tăng 730 tr.đồng/năm so với giai đoạn 2021-2025) và nguồn kinh phí lồng ghép các chương trình, kế hoạch, đề án có

<sup>3</sup>. UBND cấp tỉnh xây dựng mức chi cụ thể trình HĐND cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối NSDP.

<sup>4</sup>. Tại Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 11/3/2026 của UBND tỉnh Phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030

liên quan và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; riêng năm 2026 ngân sách tỉnh đã bố trí 6.500 triệu đồng.

Qua rà soát, đối chiếu với các quy định hiện hành và tình hình thực tế của địa phương; Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thông qua nghị quyết theo đề nghị của UBND tỉnh; đồng thời đề nghị UBND tỉnh quan tâm một số nội dung sau:

- Sau khi HĐND tỉnh ban hành nghị quyết, UBND tỉnh chỉ đạo tập trung nguồn lực, ưu tiên kinh phí khuyến công được giao hàng năm để lựa chọn hỗ trợ điển hình các mô hình ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, dây chuyền công nghệ mới; hỗ trợ xây dựng các mô hình có tính lan tỏa về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để số hóa dữ liệu, tự động hóa quy trình sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ đầu tư xử lý môi trường cơ sở công nghiệp nông thôn trong khu dân cư nhằm tạo sự chuyển biến về hiệu quả trong mô hình hỗ trợ khuyến công địa phương.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh còn nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn nằm xen kẽ trong các khu dân cư có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sinh hoạt và đời sống của người dân xung quanh. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn và các địa phương rà soát, đề xuất cơ chế chính sách phù hợp để đưa các cơ sở sản xuất này vào các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Hướng dẫn nội dung chuyển tiếp áp dụng đối với các đề án/nhiệm vụ khuyến công đã được phê duyệt trên địa bàn tỉnh trước thời điểm HĐND tỉnh ban hành nghị quyết tại kỳ họp này khi đang áp dụng theo cơ chế tại Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) và Nghị quyết số 81/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình để tránh vướng mắc trong tổ chức thực hiện, đặc biệt là công tác thanh, quyết toán các nội dung đã thực hiện theo 02 Nghị quyết trước đây.

### **III. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2025 sang năm 2026 (bổ sung) (Tờ trình số 2298TTr-UBND ngày 14/5/2026 của UBND tỉnh)**

#### **1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền**

Việc đề nghị HĐND tỉnh kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2025 sang năm 2026 phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 72, Luật Đầu tư công số 58 năm 2024, được sửa đổi bổ sung tại mục b, khoản 33, Điều 7, Luật số 90/2025/QH15<sup>5</sup> và thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh.

#### **2. Nội dung và kiến nghị**

Đề nghị kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân của 01 dự án với vốn 503.861.000 đồng từ năm 2025 sang năm 2026 (đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026) đối với Dự án Trồng, bảo vệ, phát triển rừng và cơ sở hạ tầng phục vụ bảo tồn và phát triển bền vững các Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông và Bắc Hướng

<sup>5</sup> Quy định: "Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách trung ương, Chủ tịch UBND các cấp quyết định đối với vốn ngân sách địa phương do cấp mình quản lý cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau".

Hóa tỉnh Quảng Trị, trong đó: Vốn chuẩn bị đầu tư do Sở Nông nghiệp và Môi trường làm chủ đầu tư là 497.070.000 đồng; vốn thực hiện đầu tư các hạng mục công trình thuộc huyện Đakrông do Ban Quản lý dự án, phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp xã Hướng Hiệp làm chủ đầu tư là 6.791.000 đồng. Lý do: Cơ quan chuyên môn thiếu sót trong quá trình rà soát, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025 sang năm 2026 trình tại kỳ họp thứ 7, HĐND tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021-2026.

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2025 sang năm 2026 theo đề nghị của UBND tỉnh.

**IV. Cho ý kiến về tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 2282/TTr-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh)**

#### **1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền**

Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh đã được HĐND tỉnh Quảng Bình cho ý kiến tại Nghị quyết số 205/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) cho ý kiến tại các Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 04/04/2025. Hiện nay, Bảng giá đất mới áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã được HĐND tỉnh ban hành tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025; theo đó, tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh phải dựa trên quy định của Bảng giá đất mới.

Do vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết cho ý kiến về tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đề thay thế 02 Nghị quyết của HĐND 2 tỉnh cũ là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 291/2025/NĐ-CP của Chính phủ<sup>6</sup> để đảm bảo thống nhất áp dụng đồng bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới).

<sup>6</sup> Tại điểm a khoản 1 Điều 26 được bổ sung bởi điểm i khoản 22 Điều 1 Nghị định 291/2025/NĐ-CP về đơn giá thuê đất quy định: “Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất theo từng khu vực, tuyến đường tương ứng với từng mục đích sử dụng đất (có xem xét đến yếu tố diện tích đất được phép xây dựng, diện tích không được phép xây dựng mà chỉ sử dụng vào mục đích làm cảnh quan, phụ trợ) sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.”

- Tại điểm c khoản 2 Điều 27 về đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm quy định: “Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại điểm a, điểm b khoản này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.”

- Tại khoản 3 Điều 28 về đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước quy định: “Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại khoản 2 Điều này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.”

## 2. Nội dung và kiến nghị

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh cho ý kiến tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo đề nghị của UBND tỉnh.

## V. Bổ sung danh mục công trình, dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 2272/TTr-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh)

### 1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền

Theo quy định tại Điều 14, Điều 67, Điều 84, Điều 79, Điều 126 của Luật Đất đai năm 2024; Luật Đấu thầu năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành; khoản 5, điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua bổ sung danh mục công trình, dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh là đủ cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền quy định.

### 2. Nội dung và kiến nghị

Trong quá trình khảo sát, giám sát và thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách đã rà soát một số dự án và làm việc với cơ quan tham mưu trình nghị quyết (Sở Nông nghiệp và môi trường); thống nhất không đưa vào danh mục các dự án đã thực hiện hồi đất<sup>7</sup>, các dự án đã hết hạn chủ trương đầu tư<sup>8</sup>, các dự án có nội dung chưa phù hợp với quy hoạch chung của xã<sup>9</sup>; cập nhật bổ sung diện tích đất đề nghị thu hồi của một số dự án điện gió đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ khi triển khai dự án<sup>10</sup>.

Trên cơ sở đó, cơ quan chuyên môn đã tiếp thu, bổ sung, hoàn thiện Tờ trình và dự thảo Nghị quyết. Tại kỳ họp này, UBND tỉnh trình thông qua danh mục 69 công trình, dự án thu hồi đất, với tổng diện tích đất đề nghị thu hồi là: 515,81 ha, trong đó: Bổ sung mới 67 dự án (gồm 47 dự án đầu tư công, 20 dự án đầu tư khác) với tổng diện tích đất đề nghị thu hồi là 497,81 ha; Có 02 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất, đã hết thời hạn nhưng chưa thực hiện thu hồi, nay đề nghị đưa vào danh mục chuyển tiếp với tổng diện tích sử dụng đất là 18,0 ha. Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy:

- Đối với 02 dự án (Khu đô thị Bảo Ninh 3 và Khu đô thị Erowindow Grand City) đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất từ các năm 2020, 2021; đã được cho phép chuyển tiếp thu hồi đất tại Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Bình (cũ) nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện. Cụ thể:

+ Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 3, diện tích đất thực hiện dự án là 16,49 ha: Tại Công văn 1648/UBND-TH ngày 02/10/2018 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị Bảo Ninh 3 (Thời gian thực hiện dự án 5 năm. Trong đó thời gian đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 2 năm). Tại Quyết định số 836/QĐ-

<sup>7</sup> Dự án Nhà ở xã Lộc Ninh 1 trước đây là được HĐND tỉnh thông qua, hiện nay đã thu hồi đất.

<sup>8</sup> Dự án Cơ sở hạ tầng khu dân cư đường Bà Triệu, Dự án Chinh trang đô thị trung tâm Thành phố Đông Hà, Dự án Đường kè hai bên cầu vượt Đông Hà, Dự án Quy hoạch đất ở tại khu vực Lò Ngói cũ thôn Vân Tiên.

<sup>9</sup> Dự án Quy hoạch chi tiết Nghĩa trang nhân dân Tràm đôi Gia Ninh (giai đoạn 1).

<sup>10</sup> 5 Dự án điện gió: Dự án Nhà máy điện gió Phúc Thành An Vĩnh Phúc, Dự án Nhà máy điện gió Phúc Thành An Quảng Trị, Dự án Nhà máy điện gió Tân Thành Long, Dự án Nhà máy điện gió SCI Tân Thành, Dự án điện gió Phong Liệt mở rộng.

Hóa tỉnh Quảng Trị, trong đó: Vốn chuẩn bị đầu tư do Sở Nông nghiệp và Môi trường làm chủ đầu tư là 497.070.000 đồng; vốn thực hiện đầu tư các hạng mục công trình thuộc huyện Đakrông do Ban Quản lý dự án, phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp xã Hướng Hiệp làm chủ đầu tư là 6.791.000 đồng. *Lý do: Cơ quan chuyên môn thiếu sót trong quá trình rà soát, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025 sang năm 2026 trình tại kỳ họp thứ 7, HĐND tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021-2026.*

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2025 sang năm 2026 theo đề nghị của UBND tỉnh.

**IV. Cho ý kiến về tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 2282/TTr-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh)**

#### **1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền**

Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh đã được HĐND tỉnh Quảng Bình cho ý kiến tại Nghị quyết số 205/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) cho ý kiến tại các Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 04/04/2025. Hiện nay, Bảng giá đất mới áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã được HĐND tỉnh ban hành tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025; theo đó, tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh phải dựa trên quy định của Bảng giá đất mới.

Do vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết cho ý kiến về tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đề thay thế 02 Nghị quyết của HĐND 2 tỉnh cũ là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 291/2025/NĐ-CP của Chính phủ<sup>6</sup> để đảm bảo thống nhất áp dụng đồng bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới).

<sup>6</sup> Tại điểm a khoản 1 Điều 26 được bổ sung bởi điểm i khoản 22 Điều 1 Nghị định 291/2025/NĐ-CP về đơn giá thuê đất quy định: “Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất theo từng khu vực, tuyến đường tương ứng với từng mục đích sử dụng đất (có xem xét đến yếu tố diện tích đất được phép xây dựng, diện tích không được phép xây dựng mà chỉ sử dụng vào mục đích làm cảnh quan, phụ trợ) sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.”

- Tại điểm c khoản 2 Điều 27 về đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm quy định: “Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại điểm a, điểm b khoản này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.”

- Tại khoản 3 Điều 28 về đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước quy định: “Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại khoản 2 Điều này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.”

## 2. Nội dung và kiến nghị

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh cho ý kiến tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo đề nghị của UBND tỉnh.

**V. Bổ sung danh mục công trình, dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 2272/TTr-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh)**

### 1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền

Theo quy định tại Điều 14, Điều 67, Điều 84, Điều 79, Điều 126 của Luật Đất đai năm 2024; Luật Đấu thầu năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành; khoản 5, điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua bổ sung danh mục công trình, dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh là đủ cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền quy định.

### 2. Nội dung và kiến nghị

Trong quá trình khảo sát, giám sát và thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách đã rà soát một số dự án và làm việc với cơ quan tham mưu trình nghị quyết (Sở Nông nghiệp và môi trường); thống nhất không đưa vào danh mục các dự án đã thực hiện hồi đất<sup>7</sup>, các dự án đã hết hạn chủ trương đầu tư<sup>8</sup>, các dự án có nội dung chưa phù hợp với quy hoạch chung của xã<sup>9</sup>; cập nhật bổ sung diện tích đất đề nghị thu hồi của một số dự án điện gió đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ khi triển khai dự án<sup>10</sup>.

Trên cơ sở đó, cơ quan chuyên môn đã tiếp thu, bổ sung, hoàn thiện Tờ trình và dự thảo Nghị quyết. Tại kỳ họp này, UBND tỉnh trình thông qua danh mục 69 công trình, dự án thu hồi đất, với tổng diện tích đất đề nghị thu hồi là: 515,81 ha, trong đó: Bổ sung mới 67 dự án (gồm 47 dự án đầu tư công, 20 dự án đầu tư khác) với tổng diện tích đất đề nghị thu hồi là 497,81 ha; Có 02 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất, đã hết thời hạn nhưng chưa thực hiện thu hồi, nay đề nghị đưa vào danh mục chuyển tiếp với tổng diện tích sử dụng đất là 18,0 ha. Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy:

- Đối với 02 dự án (Khu đô thị Bảo Ninh 3 và Khu đô thị Erowindow Grand City) đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất từ các năm 2020, 2021; đã được cho phép chuyển tiếp thu hồi đất tại Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Bình (cũ) nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện. Cụ thể:

+ Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 3, diện tích đất thực hiện dự án là 16,49 ha: Tại Công văn 1648/UBND-TH ngày 02/10/2018 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị Bảo Ninh 3 (Thời gian thực hiện dự án 5 năm. Trong đó thời gian đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 2 năm). Tại Quyết định số 836/QĐ-

<sup>7</sup> Dự án Nhà ở xã Lộc Ninh 1 trước đây là được HĐND tỉnh thông qua, hiện nay đã thu hồi đất.

<sup>8</sup> Dự án Cơ sở hạ tầng khu dân cư đường Bà Triệu, Dự án Chính trang đô thị trung tâm Thành phố Đông Hà, Dự án Đường kè hai bên cầu vượt Đông Hà, Dự án Quy hoạch đất ở tại khu vực Lò Ngói cũ thôn Vân Tiên.

<sup>9</sup> Dự án Quy hoạch chi tiết Nghĩa trang nhân dân Tràm đôi Gia Ninh (giai đoạn 1).

<sup>10</sup> 5 Dự án điện gió: Dự án Nhà máy điện gió Phúc Thành An Vĩnh Phúc, Dự án Nhà máy điện gió Phúc Thành An Quảng Trị, Dự án Nhà máy điện gió Tân Thành Long, Dự án Nhà máy điện gió SCI Tân Thành, Dự án điện gió Phong Liệu mở rộng.

UBND ngày 23/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình (cũ) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư Dự án Khu Đô thị Bảo Ninh 3 (Phê duyệt thời gian thực hiện toàn bộ dự án là 42 tháng, trong đó thời gian đầu tư hạ tầng kỹ thuật là 21 tháng). Căn cứ các hồ sơ nêu trên, đến nay Dự án đã hết thời hạn thực hiện theo Quyết định phê duyệt.

+ Dự án Khu đô thị Erowindow Grand City, diện tích thực hiện Dự án 1,51 ha: Tại Công văn số 640/UBND-TH ngày 17/4/2020 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu đô thị Erowindow Grand city (Thời gian hoạt động tối đa dự án: 50 năm kể từ thời điểm nhà nước giao đất, cho thuê đất; Tiến độ thực hiện dự án: 4 năm, kể từ ngày có Quyết định chấp thuận đầu tư dự án); tại Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình (cũ) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư Dự án Khu đô thị phía Erowindow Grand city (Thời gian thực hiện dự án 48 tháng). Căn cứ các hồ sơ nêu trên, đến nay Dự án đã hết thời hạn thực hiện theo Quyết định phê duyệt.

Từ đó, khẳng định: Đối với 02 dự án này thuộc diện chậm tiến độ, đã hết thời hạn thực hiện dự án và chưa đủ điều kiện đề nghị HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp này; đề nghị UBND tỉnh tiếp tục cập nhật, bổ sung đầy đủ hồ sơ pháp lý, hồ sơ dự án có liên quan trước khi trình HĐND tỉnh xem xét thông qua tại kỳ họp gần nhất.

- Đối với 67 dự án bổ sung mới đảm bảo đủ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua theo đề nghị của UBND tỉnh, đồng thời có thêm một số ý kiến sau:

+ Trên địa bàn các xã Khe Sanh, Hướng Lập, Tân Lập, Hướng Phùng... có rất nhiều dự án điện gió đã và đang triển khai, đi vào hoạt động, địa hình phức tạp, đồi núi, độ dốc cao; có cả các diện tích rừng phòng hộ đan xen cục bộ. Trong khi đó, việc thực hiện đánh giá tác động môi trường trong quá trình xây dựng và thực hiện các dự án độc lập theo từng dự án với quy mô nhỏ, chưa mang tính đại diện. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh cần có phương án nghiên cứu đánh giá tổng thể nhằm hạn chế rủi ro thiên tai có thể xảy ra. Đối với 11 dự án điện gió đề nghị thu hồi đất lần này, trong quá trình triển khai thực hiện đề nghị: Cần hạn chế tối đa việc tác động ảnh hưởng đến rừng, nhất là các diện tích rừng phòng hộ. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn và các địa phương tăng cường công tác giám sát, thực hiện đúng theo phương án bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường, phương án thẩm định, cấp phép vận hành điện gió đã được phê duyệt trong quá trình triển khai, vận hành dự án. Các chủ đầu tư dự án tích cực phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác GPMB, phương án đảm bảo thi công; thực hiện đầy đủ nghiêm túc các cam kết với chính quyền địa phương về hỗ trợ dân sinh, cơ sở hạ tầng, đường công vụ; hạn chế tối đa việc triển khai thực hiện dự án ảnh hưởng đến việc đi lại, đời sống và sinh kế của người dân trong khu vực ảnh hưởng của dự án.

+ Đối với Dự án Nhà máy điện gió Cam Lộ, diện tích đất đề nghị thu hồi là 130 ha: Tuy nhiên, dự án này chưa thực hiện thủ tục lựa chọn nhà đầu tư, chưa xác định được vị trí đất cụ thể phải thu hồi để thực hiện dự án. Theo quy định tại

Khoản 1, Điều 85 Luật Đất đai 2024: “*Trước khi ban hành quyết định thu hồi đất, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải gửi văn bản thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) biết chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp. Nội dung thông báo thu hồi đất bao gồm: lý do thu hồi đất; diện tích, vị trí khu đất thu hồi; tiến độ thu hồi đất; kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; kế hoạch di dời người dân khỏi khu vực thu hồi đất; kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*”. Do đó, sau khi được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án thu hồi đất, đề nghị UBND tỉnh khẩn trương chỉ đạo cơ quan chuyên môn đẩy nhanh tiến độ lựa chọn nhà đầu tư; hướng dẫn nhà đầu tư và các đơn vị liên quan thực hiện các thủ tục thu hồi đất đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đất đai và Nghị quyết của HĐND tỉnh.

## **VI. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (Tờ trình số 2360/TTr-UBND ngày 19/5/2026 của UBND tỉnh)**

### **1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền**

Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh là đảm bảo cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại Điều 20 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 8 Luật 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường<sup>11</sup>.

### **2. Nội dung và kiến nghị**

Tại kỳ họp này, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định CMĐSDR sang mục đích khác để thực hiện 10 công trình, dự án trên địa bàn tỉnh. Trong đó, có 06 dự án đầu tư công và 04 dự án đầu tư của các doanh nghiệp; với tổng diện tích rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR là 713,58306 ha, gồm: 565,32856 ha rừng trồng và 148,25450 ha rừng tự nhiên; theo loại rừng có: 48,91403 ha rừng phòng hộ, 118,62274 ha rừng sản xuất, 23,87457 ha rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp có nguồn gốc rừng phòng hộ và 522,17172 ha rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp có nguồn gốc rừng sản xuất (theo quy hoạch lâm nghiệp quốc gia).

Qua thẩm tra rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy: Hồ sơ các dự án trình đảm bảo quy định tại khoản 2, điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung tại điều 17 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/1/2026 của Chính phủ; tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư, Luật Lâm nghiệp và các quy định của pháp luật chuyên ngành; đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, UBND tỉnh khẳng định đủ điều kiện để trình HĐND tỉnh quyết định CMĐSDR sang mục đích khác.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua 10 dự án như đề nghị của UBND tỉnh. Đồng thời, có thêm ý kiến như sau:

- Đối với 02 dự án khai thác, tuyển khoáng titan sa khoáng và khoáng sản đi

<sup>11</sup> 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau: “Điều 20. Chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 1. Thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương, điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

UBND ngày 23/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình (cũ) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư Dự án Khu Đô thị Bảo Ninh 3 (Phê duyệt thời gian thực hiện toàn bộ dự án là 42 tháng, trong đó thời gian đầu tư hạ tầng kỹ thuật là 21 tháng). Căn cứ các hồ sơ nêu trên, đến nay Dự án đã hết thời hạn thực hiện theo Quyết định phê duyệt.

+ Dự án Khu đô thị Erowindow Grand City, diện tích thực hiện Dự án 1,51 ha: Tại Công văn số 640/UBND-TH ngày 17/4/2020 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu đô thị Erowindow Grand city (Thời gian hoạt động tối đa dự án: 50 năm kể từ thời điểm nhà nước giao đất, cho thuê đất; Tiến độ thực hiện dự án: 4 năm, kể từ ngày có Quyết định chấp thuận đầu tư dự án); tại Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình (cũ) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư Dự án Khu đô thị phía Erowindow Grand city (Thời gian thực hiện dự án 48 tháng). Căn cứ các hồ sơ nêu trên, đến nay Dự án đã hết thời hạn thực hiện theo Quyết định phê duyệt.

Từ đó, khẳng định: Đối với 02 dự án này thuộc diện chậm tiến độ, đã hết thời hạn thực hiện dự án và chưa đủ điều kiện đề nghị HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp này; đề nghị UBND tỉnh tiếp tục cập nhật, bổ sung đầy đủ hồ sơ pháp lý, hồ sơ dự án có liên quan trước khi trình HĐND tỉnh xem xét thông qua tại kỳ họp gần nhất.

- Đối với 67 dự án bổ sung mới đảm bảo đủ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua theo đề nghị của UBND tỉnh, đồng thời có thêm một số ý kiến sau:

+ Trên địa bàn các xã Khe Sanh, Hướng Lập, Tân Lập, Hướng Phùng... có rất nhiều dự án điện gió đã và đang triển khai, đi vào hoạt động, địa hình phức tạp, đồi núi, độ dốc cao; có cả các diện tích rừng phòng hộ đan xen cục bộ. Trong khi đó, việc thực hiện đánh giá tác động môi trường trong quá trình xây dựng và thực hiện các dự án độc lập theo từng dự án với quy mô nhỏ, chưa mang tính đại diện. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh cần có phương án nghiên cứu đánh giá tổng thể nhằm hạn chế rủi ro thiên tai có thể xảy ra. Đối với 11 dự án điện gió đề nghị thu hồi đất lần này, trong quá trình triển khai thực hiện đề nghị: Cần hạn chế tối đa việc tác động ảnh hưởng đến rừng, nhất là các diện tích rừng phòng hộ. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn và các địa phương tăng cường công tác giám sát, thực hiện đúng theo phương án bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường, phương án thẩm định, cấp phép vận hành điện gió đã được phê duyệt trong quá trình triển khai, vận hành dự án. Các chủ đầu tư dự án tích cực phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác GPMB, phương án đảm bảo thi công; thực hiện đầy đủ nghiêm túc các cam kết với chính quyền địa phương về hỗ trợ dân sinh, cơ sở hạ tầng, đường công vụ; hạn chế tối đa việc triển khai thực hiện dự án ảnh hưởng đến việc đi lại, đời sống và sinh kế của người dân trong khu vực ảnh hưởng của dự án.

+ Đối với Dự án Nhà máy điện gió Cam Lộ, diện tích đất đề nghị thu hồi là 130 ha: Tuy nhiên, dự án này chưa thực hiện thủ tục lựa chọn nhà đầu tư, chưa xác định được vị trí đất cụ thể phải thu hồi để thực hiện dự án. Theo quy định tại

Khoản 1, Điều 85 Luật Đất đai 2024: “*Trước khi ban hành quyết định thu hồi đất, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải gửi văn bản thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) biết chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp. Nội dung thông báo thu hồi đất bao gồm: lý do thu hồi đất; diện tích, vị trí khu đất thu hồi; tiến độ thu hồi đất; kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; kế hoạch di dời người dân khỏi khu vực thu hồi đất; kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*”. Do đó, sau khi được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án thu hồi đất, đề nghị UBND tỉnh khẩn trương chỉ đạo cơ quan chuyên môn đẩy nhanh tiến độ lựa chọn nhà đầu tư; hướng dẫn nhà đầu tư và các đơn vị liên quan thực hiện các thủ tục thu hồi đất đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đất đai và Nghị quyết của HĐND tỉnh.

## **VI. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (Tờ trình số 2360/TTr-UBND ngày 19/5/2026 của UBND tỉnh)**

### **1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền**

Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh là đảm bảo cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại Điều 20 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 8 Luật 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường<sup>11</sup>.

### **2. Nội dung và kiến nghị**

Tại kỳ họp này, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định CMĐSDR sang mục đích khác để thực hiện 10 công trình, dự án trên địa bàn tỉnh. Trong đó, có 06 dự án đầu tư công và 04 dự án đầu tư của các doanh nghiệp; với tổng diện tích rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR là 713,58306 ha, gồm: 565,32856 ha rừng trồng và 148,25450 ha rừng tự nhiên; theo loại rừng có: 48,91403 ha rừng phòng hộ, 118,62274 ha rừng sản xuất, 23,87457 ha rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp có nguồn gốc rừng phòng hộ và 522,17172 ha rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp có nguồn gốc rừng sản xuất (theo quy hoạch lâm nghiệp quốc gia).

Qua thẩm tra rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy: Hồ sơ các dự án trình đảm bảo quy định tại khoản 2, điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung tại điều 17 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/1/2026 của Chính phủ; tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư, Luật Lâm nghiệp và các quy định của pháp luật chuyên ngành; đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, UBND tỉnh khẳng định đủ điều kiện để trình HĐND tỉnh quyết định CMĐSDR sang mục đích khác.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua 10 dự án như đề nghị của UBND tỉnh. Đồng thời, có thêm ý kiến như sau:

- Đối với 02 dự án khai thác, tuyển khoáng titan sa khoáng và khoáng sản đi

<sup>11</sup> 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau: “*Điều 20. Chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 1. Thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương, điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;*

kèm<sup>12</sup> có diện tích đề nghị CMĐSDR trên cát là rất lớn (527,05684 ha). Do đó, quá trình triển khai thực hiện cần tăng cường theo dõi giám sát công tác đảm bảo môi trường; có giải pháp phù hợp, tránh tình trạng mặt bằng sau khai thác bị sa mạc hóa; cần ưu tiên thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, khai thác đến đâu hoàn thổ phù hợp với mục đích sử dụng đất của địa phương theo quy hoạch tới đó. Đối với phần diện tích sau khai thác, không còn nhu cầu sử dụng, sớm bàn giao cho địa phương quản lý, sử dụng.

- Đối với Dự án Quần thể du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí núi U Bò - Hồ Thác Chuối có diện tích rừng tự nhiên đề nghị chuyển đổi là 148,2545 ha/ tổng diện tích dự án là 167,47744 ha. Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu trình, đối chiếu với các quy định tại điểm d Điều 41a Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 18 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP quy định tiêu chí dự án được CMĐSDR tự nhiên<sup>13</sup>; và định hướng, tình hình thực tế của địa phương<sup>14</sup> thì dự án đảm bảo tiêu chí được phép CMĐSDR tự nhiên sang mục đích khác. Tuy nhiên, đây là dự án có diện tích rừng phòng hộ và rừng tự nhiên chuyển đổi lớn, do đó, trong quá trình thực hiện cần tuân thủ và tăng cường giám sát chặt chẽ về trình tự, thủ tục đất đai, môi trường; có phương án thi công đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại, tác động đến hệ sinh thái rừng tự nhiên; phòng tránh sạt lở và ảnh hưởng đến môi trường trong khu vực

- Đối với Dự án Khu tái định cư xã Hải An (giai đoạn 2): Đây là dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương, đã được HĐND tỉnh cho phép kéo dài nguồn vốn năm 2025 sang 2026 với số tiền 35,039 tỷ đồng; kế hoạch năm 2026 đã được bố trí: 65 tỷ đồng. Do vậy, số vốn cần được giải ngân trong năm 2026 khá lớn, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân dự án, tránh lãng phí nguồn vốn đã được bố trí, nhất là nguồn vốn kéo dài thời gian

<sup>12</sup> (1) Dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác, tuyển quặng titan sa khoáng và khoáng sản đi kèm tại các xã Ngự Thủy, Hưng Thủy và Sen Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Sen Ngự, tỉnh Quảng Trị) (Diện tích thực hiện dự án là 503,0 ha; diện tích có rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR là 398,1286 ha.); (2) Dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác, tuyển quặng titan sa khoáng và khoáng sản đi kèm tại các xã Ngự Thủy, Hưng Thủy và Sen Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Sen Ngự, tỉnh Quảng Trị) (Diện tích thực hiện dự án đợt 1 là 140,0 ha; diện tích có rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR là 128,92824 ha.):

<sup>13</sup> Tiêu chí xác định dự án được CMĐSDR tự nhiên sang mục đích khác là “*Dự án cấp thiết để phát triển kinh tế - xã hội, gồm các dự án: giao thông, thủy lợi; trường học, ...; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí*”.

<sup>14</sup> Mục tiêu đầu tư của dự án là “Đầu tư xây dựng dự án quần thể khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí núi U Bò - hồ Thác Chuối” đã cụ thể hóa định hướng phát triển tỉnh Quảng Trị theo Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 05/10/2025 về đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 30/3/2026; đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý chủ trương tại Thông báo số 256-TB/TU ngày 19/3/2026.

- Thực hiện hoàn thành nhiệm vụ theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 và chủ trương đầu tư Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 30/3/2026; hình thành tổ hợp du lịch, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí đồng bộ, hiện đại với đa dạng các loại hình dịch vụ, du lịch phục vụ cho người dân và thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội khu vực dự án nói riêng và tỉnh Quảng Trị nói chung, thúc đẩy phát triển thương hiệu du lịch Quảng Trị là một trong những điểm du lịch hấp dẫn nhất Việt Nam, vươn tầm khu vực.

giải ngân năm 2025 sang năm 2026.

- Đối với dự án xây dựng công trình chống sạt lở đồi núi thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa (nay là xã Minh Hóa, tỉnh Quảng Trị): Đây là dự án đầu tư công khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, chống sạt lở đất đồi núi nhằm đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho 36 hộ dân chịu ảnh hưởng trực tiếp; quá trình thực hiện cần đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành dự án, ổn định đời sống, sinh hoạt cho người dân vùng bị ảnh hưởng.

- Đối với Dự án Khai thác mỏ sét gạch ngói tại xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Trung Thuận, tỉnh Quảng Trị): Đề nghị Chủ đầu tư phải hoàn thành đầy đủ thủ tục thỏa thuận nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất đối với diện tích đất của hộ gia đình, cá nhân trước khi thực hiện chuyển đổi MĐSDR; đối với diện tích đất do xã quản lý phải thực hiện thu hồi đất theo đúng quy định trước khi triển khai dự án.

- Đề nghị UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo các chủ đầu tư, cơ quan tham mưu và đơn vị có liên quan tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc CMĐSDR để thực hiện dự án; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu và các nội dung liên quan trong hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các Dự án; nhất là đối với các dự án liên quan đến việc chuyển đổi rừng tự nhiên, rừng phòng hộ.

## **VII. Áp dụng, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực kinh tế, ngân sách (Đối với 03 Tờ trình của UBND tỉnh)**

### **1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền chung**

Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20, Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025)<sup>15</sup>; điểm a khoản 6 Điều 4 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ)<sup>16</sup> và điểm a khoản 1 Điều 38 Nghị định 79/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật<sup>17</sup>: Việc UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh

<sup>15</sup> “Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”.

<sup>16</sup> “6. Việc ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật được thực hiện như sau:

a) Hội đồng nhân dân các cấp ban hành nghị quyết hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính được nhập;”.

<sup>17</sup> “1. Bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản được áp dụng như sau:

a) Bãi bỏ toàn bộ văn bản khi văn bản thuộc một trong các trường hợp sau mà không cần thiết ban hành văn bản để thay thế: Đối tượng điều chỉnh của văn bản không còn; toàn bộ quy định của văn bản chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn cứ để rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội; văn bản không còn được áp dụng;”.

kèm<sup>12</sup> có diện tích đề nghị CMĐSDR trên cát là rất lớn (527,05684 ha). Do đó, quá trình triển khai thực hiện cần tăng cường theo dõi giám sát công tác đảm bảo môi trường; có giải pháp phù hợp, tránh tình trạng mặt bằng sau khai thác bị sa mạc hóa; cần ưu tiên thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, khai thác đến đâu hoàn thổ phù hợp với mục đích sử dụng đất của địa phương theo quy hoạch tới đó. Đối với phần diện tích sau khai thác, không còn nhu cầu sử dụng, sớm bàn giao cho địa phương quản lý, sử dụng.

- Đối với Dự án Quần thể du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí núi U Bò - Hồ Thác Chuối có diện tích rừng tự nhiên đề nghị chuyển đổi là 148,2545 ha/ tổng diện tích dự án là 167,47744 ha. Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu trình, đối chiếu với các quy định tại điểm d Điều 41a Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 18 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP quy định tiêu chí dự án được CMĐSDR tự nhiên<sup>13</sup>; và định hướng, tình hình thực tế của địa phương<sup>14</sup> thì dự án đảm bảo tiêu chí được phép CMĐSDR tự nhiên sang mục đích khác. Tuy nhiên, đây là dự án có diện tích rừng phòng hộ và rừng tự nhiên chuyển đổi lớn, do đó, trong quá trình thực hiện cần tuân thủ và tăng cường giám sát chặt chẽ về trình tự, thủ tục đất đai, môi trường; có phương án thi công đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại, tác động đến hệ sinh thái rừng tự nhiên; phòng tránh sạt lở và ảnh hưởng đến môi trường trong khu vực

- Đối với Dự án Khu tái định cư xã Hải An (giai đoạn 2): Đây là dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương, đã được HĐND tỉnh cho phép kéo dài nguồn vốn năm 2025 sang 2026 với số tiền 35, 039 tỷ đồng; kế hoạch năm 2026 đã được bố trí: 65 tỷ đồng. Do vậy, số vốn cần được giải ngân trong năm 2026 khá lớn, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân dự án, tránh lãng phí nguồn vốn đã được bố trí, nhất là nguồn vốn kéo dài thời gian

<sup>12</sup> (1) Dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác, tuyển quặng titan sa khoáng và khoáng sản đi kèm tại các xã Ngự Thủy, Hưng Thủy và Sen Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Sen Ngự, tỉnh Quảng Trị) (Diện tích thực hiện dự án là 503,0 ha; diện tích có rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR là 398,1286 ha.); (2) Dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác, tuyển quặng titan sa khoáng và khoáng sản đi kèm tại các xã Ngự Thủy, Hưng Thủy và Sen Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Sen Ngự, tỉnh Quảng Trị) (Diện tích thực hiện dự án đợt 1 là 140,0 ha; diện tích có rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR là 128,92824 ha.):

<sup>13</sup> Tiêu chí xác định dự án được CMĐSDR tự nhiên sang mục đích khác là “*Dự án cấp thiết để phát triển kinh tế - xã hội, gồm các dự án: giao thông, thủy lợi; trường học, ...; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí*”.

<sup>14</sup> Mục tiêu đầu tư của dự án là “Đầu tư xây dựng dự án quần thể khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí núi U Bò - hồ Thác Chuối” đã cụ thể hóa định hướng phát triển tỉnh Quảng Trị theo Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 05/10/2025 về đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 30/3/2026; đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý chủ trương tại Thông báo số 256-TB/TU ngày 19/3/2026.

- Thực hiện hoàn thành nhiệm vụ theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 và chủ trương đầu tư Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 30/3/2026; hình thành tổ hợp du lịch, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí đồng bộ, hiện đại với đa dạng các loại hình dịch vụ, du lịch phục vụ cho người dân và thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội khu vực dự án nói riêng và tỉnh Quảng Trị nói chung, thúc đẩy phát triển thương hiệu du lịch Quảng Trị là một trong những điểm du lịch hấp dẫn nhất Việt Nam, vươn tầm khu vực.

giải ngân năm 2025 sang năm 2026.

- Đối với dự án xây dựng công trình chống sạt lở đồi núi thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa (nay là xã Minh Hóa, tỉnh Quảng Trị): Đây là dự án đầu tư công khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, chống sạt lở đất đồi núi nhằm đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho 36 hộ dân chịu ảnh hưởng trực tiếp; quá trình thực hiện cần đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành dự án, ổn định đời sống, sinh hoạt cho người dân vùng bị ảnh hưởng.

- Đối với Dự án Khai thác mỏ sét gạch ngói tại xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Trung Thuận, tỉnh Quảng Trị): Đề nghị Chủ đầu tư phải hoàn thành đầy đủ thủ tục thỏa thuận nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất đối với diện tích đất của hộ gia đình, cá nhân trước khi thực hiện chuyển đổi MĐSDR; đối với diện tích đất do xã quản lý phải thực hiện thu hồi đất theo đúng quy định trước khi triển khai dự án.

- Đề nghị UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo các chủ đầu tư, cơ quan tham mưu và đơn vị có liên quan tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc CMĐSDR để thực hiện dự án; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu và các nội dung liên quan trong hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các Dự án; nhất là đối với các dự án liên quan đến việc chuyển đổi rừng tự nhiên, rừng phòng hộ.

## **VII. Áp dụng, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực kinh tế, ngân sách (Đối với 03 Tờ trình của UBND tỉnh)**

### **1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền chung**

Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20, Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025)<sup>15</sup>; điểm a khoản 6 Điều 4 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ)<sup>16</sup> và điểm a khoản 1 Điều 38 Nghị định 79/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật<sup>17</sup>: Việc UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh

<sup>15</sup> “Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”.

<sup>16</sup> “6. Việc ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật được thực hiện như sau:

a) Hội đồng nhân dân các cấp ban hành nghị quyết hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính được nhập;”.

<sup>17</sup> “1. Bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản được áp dụng như sau:

a) Bãi bỏ toàn bộ văn bản khi văn bản thuộc một trong các trường hợp sau mà không cần thiết ban hành văn bản để thay thế: Đối tượng điều chỉnh của văn bản không còn; toàn bộ quy định của văn bản chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn cứ để rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội; văn bản không còn được áp dụng;”.

ban hành nghị quyết bãi bỏ, áp dụng nghị quyết quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh ban hành đảm bảo quy định và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh.

## **2. Nội dung, kiến nghị theo nhóm nghị quyết đề xuất áp dụng và bãi bỏ**

### **2.1. Áp dụng, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 2199/TTr-UBND ngày 08/5/2026 của UBND tỉnh).**

Hiện nay, mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đang thực hiện theo quy định tại 02 Nghị quyết<sup>18</sup>. Việc UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh ban hành nghị quyết áp dụng 01 nghị quyết và bãi bỏ các nghị quyết quy phạm pháp luật liên quan đến quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, triển khai thực hiện là rất cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thông nhất thông qua nội dung chính của Nghị quyết như sau: **(1)** Áp dụng Nghị quyết số 112/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ). **(2)** Bãi bỏ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tại Nghị quyết số 63/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Bình.<sup>19</sup> Đồng thời đề nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát các loại phí, lệ phí khác trên các lĩnh vực do HĐND 2 tỉnh đã ban hành trước sáp nhập tỉnh để trình HĐND tỉnh ban hành áp dụng đồng bộ thống nhất chung trên địa bàn tỉnh.

### **2.2. Bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp và tài nguyên môi trường (Tờ trình số 2268/TTr-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh)**

Sau khi nghiên cứu nội dung Tờ trình; xem xét cơ sở pháp lý, lý do bãi bỏ và hướng xử lý việc thực hiện các chính sách có liên quan trong thời gian tới; Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thông nhất thông qua Nghị quyết bãi bỏ 07<sup>20</sup> chính sách thuộc lĩnh vực nông nghiệp và tài nguyên môi trường theo đề nghị

<sup>18</sup> Nghị quyết số 63/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Bình và Nghị quyết số 112/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ).

<sup>19</sup> Qua rà soát nhận thấy: Nghị quyết số 112/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành quy định riêng về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản nên sẽ thuận tiện hơn trong công tác theo dõi, triển khai thực hiện.

<sup>20</sup> (1) Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) Về việc thông qua Đề án tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Lý do: Các căn cứ ban hành Nghị quyết đã hết hiệu lực. (2) Nghị quyết số 112/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) về cơ chế tài chính để thực hiện một số giải pháp quản lý, khai thác, sử dụng hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh đến năm 2025. Lý do: Căn cứ ban hành Nghị quyết đã hết hiệu lực. (3) Nghị quyết số 30/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) về việc thông qua “Đề án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”. Lý do: Căn cứ ban hành Nghị quyết đã hết hiệu lực. (4) Nghị quyết số 69/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Lý do: nội dung của Nghị quyết không còn phù hợp. (5) Nghị quyết số 100/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2025. Lý do: Nghị quyết đã hết thời gian áp dụng. (6) Nghị quyết

của UBND tỉnh trình tại kỳ họp.

**2.3. Bãi bỏ Nghị quyết số 95/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình (Tờ trình số 2253/TTr-UBND ngày 12/5/2026 của UBND tỉnh)**

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 17 và điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định 104/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điều 40 Luật Ngân sách (ban hành và có hiệu lực ngày 31/03/2026). Theo đó, thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí đối với mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị ở địa phương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Do đó, để thực hiện quy định tại Nghị định nói trên thì việc bãi bỏ Nghị quyết số 95/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Bình là cần thiết và đúng quy định của pháp luật. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua theo đề nghị của UBND tỉnh trình tại kỳ họp.

#### **Phần 2. Các dự thảo nghị quyết**

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh được phân công thẩm tra 08 dự thảo nghị quyết cá biệt và 01 nghị quyết quy phạm pháp luật, các nội dung thẩm tra đã nêu tại Báo cáo này, khi được Chủ tọa kỳ họp kết luận thống nhất đề nghị bổ sung vào nghị quyết của HĐND tỉnh.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

#### **Nơi nhận:**

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Đại biểu dự họp;
- Lưu: Ban KTNS, VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đăng Ánh**

số 100/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình Quy định về thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Lý do: Nội dung quy định về thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng đã được quy định cụ thể tại khoản 9 Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường. (7) Nghị quyết số 02/2013/NQ-HĐND ngày 31/5/2013 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) về việc quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Lý do: Quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh mới đã được tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh.